

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 784/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-9-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Long
2. Ông Lê Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 455/2022/TB-TLVA ngày 10 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Ngô Thị Kim Th**, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp BH B, xã BTr, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn H**, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp BH B, xã BTr, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 25 tháng 5 năm 2022 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị Kim Th trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H chung sống từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BTr huyện CT tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Trung H1 sinh ngày 20/01/2005 và Nguyễn Trung H2 sinh ngày

24/9/2015, không có tài sản chung và nợ chung. Vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do chị nghi ngờ anh H có quan hệ tình cảm với người khác, anh H không thừa nhận nhưng vẫn luôn liên lạc qua điện thoại với người đó, không chịu cắt đứt quan hệ, chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh H không thay đổi, chị không chấp nhận được và chị đã không còn tin tưởng anh H. Chị đã thuê nhà trọ buôn bán, sinh sống và đã sống ly thân với anh H từ tháng 5/2022 đến nay. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu giải quyết cho chị ly hôn với anh H. Về con chung, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng cho mỗi cháu. Về tài sản và nợ chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Th vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh H, thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần con chung và cấp dưỡng nuôi con, chị yêu cầu giao 02 con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho mỗi cháu; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

* Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 28 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Th về quá trình kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung, nguyên nhân và thời gian mâu thuẫn. Nay, anh không đồng ý ly hôn với chị Th vì lý do anh còn thương vợ, thời gian qua anh đã nhiều lần năn nỉ vợ anh về chung sống nhưng chị Th không chịu về. Lý do vợ anh cương quyết ly hôn vì vợ chồng có nhiều vấn đề mà anh không nói được. Về con chung, anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung vì hiện các con đang ở với anh, các cháu đã ổn định trong sinh hoạt, nơi ở và học hành còn vợ anh hiện không có nhà cửa, không đủ điều kiện nuôi con, anh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Nếu Tòa án giao con cho chị Th nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng cho mỗi cháu. Về tài sản và nợ chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật, riêng bị đơn không thực hiện đúng thủ tục tố tụng tại phiên tòa. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị Kim Th thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu giao các con chung cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho mỗi cháu. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện nêu trên.

[2] Về quan hệ pháp luật: Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1.1] Chị Ngô Thị Kim Th và anh Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã BTr huyện CT tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số I/2004 ngày 29/01/2004. Như vậy, chị Th và anh H có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ các Điều 9 và 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị Kim Th và anh Nguyễn Văn H là hợp pháp.

[3.1.2] Chị Th yêu cầu ly hôn với anh H vì cho rằng vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2021 nguyên nhân do chị nghi ngờ anh H có quan hệ tình cảm với người khác, anh H không thừa nhận nhưng vẫn luôn liên lạc qua điện thoại với người đó, không chịu cắt đứt quan hệ, chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh H không thay đổi, chị không chấp nhận được và chị đã không còn tin tưởng anh H, chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Anh H cũng thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như chị Th trình bày nhưng anh không đồng ý ly hôn vì thương vợ, thương con, anh đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng chị Th cự tuyệt, thái độ xa cách với anh. Xét thấy, qua kết quả xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Th và anh H, giữa chị Th và anh H đã có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Anh H không đồng ý ly hôn nhưng từ khi phát sinh mâu thuẫn đến nay anh H không đưa ra được giải

pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

[3.2] Về con chung: Chị Ngô Thị Kim Th và anh Nguyễn Văn H chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Trung H1 sinh ngày 20/01/2005 và Nguyễn Trung H2 sinh ngày 24/9/2015. Hiện các cháu đang được anh H nuôi dưỡng. Chị Th và anh H đều thống nhất giao các con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, trong thời gian chị Th và anh H sống ly thân, anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo về mọi mặt cho con. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và sự phát triển bình thường của các cháu và có xét đến nguyện vọng được ở với cha của các cháu, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu H1 và cháu H2 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho mỗi cháu. Xét thấy, anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, có đủ điều kiện nuôi con, tuy không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, sự tự nguyện này của chị Th là vì lợi ích của cháu H1 và cháu H2 và phù hợp quy định tại Điều 82 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận chị Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho mỗi cháu.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không đặt ra xem xét.

[4] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do chị Ngô Thị Kim Th là nguyên đơn trong vụ án ly hôn và là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên chị Th phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 110 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Kim Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Kim Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Trung H1 sinh ngày 20/01/2005 và Nguyễn Trung H2 sinh ngày 24/9/2015 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Ngô Thị Kim Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho mỗi cháu, thời gian cấp dưỡng bắt đầu khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H1, cháu H2 thành niên. Chị Ngô Thị Kim Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn H có yêu cầu thi hành án, nếu chị Ngô Thị Kim Th chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Ngô Thị Kim Th phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Ngô Thị Kim Th đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 00020531 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, Tiền Giang nên phải nộp tiếp 300.000đồng.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Huỳnh Trúc